

**TCVN**

**TIÊU CHUẨN QUỐC GIA**

**TCVN 11236:2015**

**ISO 10474:2013**

Xuất bản lần 1

**THÉP VÀ SẢN PHẨM THÉP - TÀI LIỆU KIỂM TRA**

*Steel and steel products -- Inspection documents*

**HÀ NỘI - 2015**

### **Lời nói đầu**

TCVN 11236:2015 hoàn toàn tương đương ISO 10474:2013.

TCVN 11236:2015 do Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia TCVN/TC 17, *Thép* biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

## Thép và sản phẩm thép - Tài liệu kiểm tra

*Steel and steel products - Inspection documents*

### 1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này xác định các loại tài liệu kiểm tra khác nhau khi cung cấp cho khách hàng phù hợp với các yêu cầu của đơn đặt hàng dùng cho cung cấp các sản phẩm thép.

Tiêu chuẩn này được sử dụng cùng với các tiêu chuẩn quy định các điều kiện kỹ thuật chung về cung cấp:

- Đối với thép và các sản phẩm thép, xem TCVN 4399 (ISO 404);
- Đối với các vật đúc thép, xem ISO 4990.

CHÚ THÍCH: Tiêu chuẩn này cũng có thể áp dụng cho các sản phẩm khác.

### 2 Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu viện dẫn sau rất cần thiết cho áp dụng tiêu chuẩn này. Đối với các tài liệu viện dẫn có ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản đã nêu. Đối với các tài liệu viện dẫn không ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản mới nhất, bao gồm cả các sửa đổi.

TCVN 4399 (ISO 404), *Thép và sản phẩm thép - Yêu cầu kỹ thuật chung khi cung cấp*.

ISO 4990, *Steel castings – General technical delivery requirements (Vật đúc thép – Yêu cầu kỹ thuật chung về cung cấp)*.

### 3 Thuật ngữ và định nghĩa

Tiêu chuẩn này sử dụng các thuật ngữ và định nghĩa sau.

#### 3.1

##### **Kiểm tra chung (non – specific inspection)**

Kiểm tra được nhà sản xuất thực hiện phù hợp với các quy trình của nhà sản xuất để bảo đảm cho các sản phẩm được chế tạo bởi cùng một quá trình chế tạo đáp ứng các yêu cầu của đơn đặt hàng.

[TCVN 4399 (ISO 404)]

CHÚ THÍCH: Các sản phẩm được kiểm tra và thử nghiệm có thể khác với các sản phẩm được cung cấp trong thực tế.

## **TCVN 11236:2015**

### **3.2**

#### **Kiểm tra riêng (specific inspection)**

Kiểm tra được thực hiện trước khi cung cấp phù hợp với điều kiện kỹ thuật của sản phẩm, trên các sản phẩm được cung cấp hoặc trên các đơn vị kiểm tra mà các sản phẩm này là một bộ phận để kiểm tra bảo đảm cho các sản phẩm này đáp ứng các yêu cầu của đơn đặt hàng.

[TCVN 4399 (ISO 404)]

### **3.3**

#### **Đặc tính kỹ thuật của sản phẩm (product specification)**

Toàn bộ các yêu cầu kỹ thuật chi tiết có liên quan đến đơn đặt hàng được trình bày dưới dạng văn bản, ví dụ các tiêu chuẩn viện dẫn hoặc các điều kiện kỹ thuật khác.

### **3.4**

#### **Nhà sản xuất (manufacturer)**

Tổ chức sản xuất các sản phẩm tương ứng theo các yêu cầu của đơn đặt hàng và theo các đặc tính được quy định trong điều kiện kỹ thuật của sản phẩm được viện dẫn.

### **3.5**

#### **Tổ chức trung gian (intermediary)**

Tổ chức được nhà sản xuất cung cấp các sản phẩm để sau đó lại cung cấp các sản phẩm này mà không có gia công thêm hoặc sau khi gia công không làm thay đổi các đặc tính của sản phẩm đã quy định trong đơn đặt hàng và điều kiện kỹ thuật của sản phẩm được viện dẫn.

CHÚ THÍCH: Các ví dụ về các tổ chức trung gian, có thể là các trung tâm dịch vụ về thép và các hãng bán một loại hàng.

## **4 Tài liệu kiểm tra dựa trên kiểm tra chung**

### **4.1 Công bố sự phù hợp với đơn đặt hàng “2.1”**

Tài liệu do nhà sản xuất phát ra công bố rằng các sản phẩm được cung cấp tuân theo các yêu cầu của đơn đặt hàng, không có các kết quả kiểm tra.

### **4.2 Báo cáo kiểm tra “2.2”**

Tài liệu do nhà sản xuất phát ra công bố rằng các sản phẩm được cung cấp tuân theo các yêu cầu của đơn đặt hàng và trong đó đã cung cấp các kết quả kiểm tra dựa trên kiểm tra chung.

CHÚ THÍCH: Ở các quốc gia hoặc các vùng lãnh thổ ở đó có quy định phải đệ trình chứng chỉ kiểm tra 2.3 của ISO 10474:1991 trong các tiêu chuẩn sản phẩm, có thể sử dụng 2.3 tới khi tiêu chuẩn sản phẩm được soát xét.

## **5 Tài liệu kiểm tra dựa trên kiểm tra riêng**

### **5.1 Chứng chỉ kiểm tra 3.1**

Tài liệu do nhà sản xuất phát ra công bố rằng các sản phẩm được cung cấp tuân theo các yêu cầu của đơn đặt hàng và trong đó đã cung cấp các kết quả kiểm tra dựa trên kiểm tra riêng.

Đơn vị kiểm tra và các kiểm tra cần thực hiện được quy định bởi điều kiện kỹ thuật của sản phẩm và/hoặc đơn đặt hàng.

Nhà sản xuất được phép chuyển chứng chỉ kiểm tra 3.1 có liên quan đến các kết quả kiểm tra thu được bằng kiểm tra riêng cho các sản phẩm đến đầu tiên với điều kiện là nhà sản xuất phải vận hành các quy trình theo dõi và có thể cung cấp các tài liệu kiểm tra tương ứng được yêu cầu.

Tài liệu phải được hợp thức hóa bởi đại diện kiểm tra có thẩm quyền của nhà sản xuất độc lập với phân xưởng sản xuất.

CHÚ THÍCH 1: Trong ISO 10474:1991 đã được thay thế bằng ấn phẩm hiện nay, ký hiệu đối với tài liệu này là 3.1B.

CHÚ THÍCH 2: Ở các quốc gia hoặc các vùng lãnh thổ ở đó có quy định phải đệ trình chứng chỉ kiểm tra 3.1B trong các tiêu chuẩn sản phẩm, có thể sử dụng 3.1B thay cho 3.1.

## 5.2 Chứng chỉ kiểm tra 3.2

Tài liệu do nhà sản xuất phát ra công bố rằng các sản phẩm được cung cấp tuân theo các yêu cầu của đơn đặt hàng và trong đó đã cung cấp các kết quả kiểm tra từ kiểm tra riêng.

Đơn vị kiểm tra và các kiểm tra cần thực hiện được quy định bởi điều kiện kỹ thuật của sản phẩm và/hoặc đơn đặt hàng.

Nhà sản xuất được phép chuyển chứng chỉ kiểm tra 3.2 có liên quan đến các kết quả kiểm tra thu được bằng kiểm tra riêng cho các sản phẩm đến đầu tiên với điều kiện là nhà sản xuất phải vận hành các quy trình theo dõi và có thể cung cấp các tài liệu kiểm tra tương ứng được yêu cầu.

Chứng chỉ kiểm tra phải được hợp thức hóa bởi đại diện có thẩm quyền của nhà sản xuất và đại diện có thẩm quyền của khách hàng hoặc với một kiểm tra viên được một bên thứ ba chỉ định.

## 6 Tài liệu kiểm tra do tổ chức trung gian cung cấp

Khi một sản phẩm do một tổ chức trung gian cung cấp, phải đệ trình cho khách hàng tài liệu kiểm tra gốc hoặc một bản sao tài liệu kiểm tra của nhà sản xuất.

Không cho phép thay đổi hoặc bổ sung thêm vào tài liệu kiểm tra.

Cho phép sao chép lại (ví dụ, photocopy, scan hoặc các kỹ thuật tương tự) tài liệu kiểm tra gốc với điều kiện là:

- Các quy trình theo dõi được vận hành;
- Sẵn có tài liệu gốc theo yêu cầu.

Nếu tổ chức trung gian đã thay đổi sự nhận dạng, các kích thước hoặc số lượng sản phẩm theo bất cứ cách nào thì phải có tài liệu bổ sung cho các tình trạng mới này, bao gồm cả các biện pháp thích hợp cho nhận dạng sản phẩm để bảo đảm theo dõi được giữa sản phẩm và tài liệu được lập ra [(xem TCVN 4399 (ISO 404)]. Tài liệu này cũng phải áp dụng cho tất cả các yêu cầu đặc biệt không được bao gồm trong tài liệu kiểm tra của nhà sản xuất. Không cho phép có sự sửa đổi ký hiệu mác thép của tổ chức trung gian cho dù đã thực hiện thử nghiệm.

Bất cứ một tổ chức nào trong quá trình gia công làm thay đổi trạng thái luyện kim của sản phẩm cũng được xem là một nhà sản xuất sản phẩm.

## TCVN 11236:2015

### 7 Hiệu lực của tài liệu kiểm tra

Tất cả các tài liệu kiểm tra được định nghĩa trong tiêu chuẩn này phải được hợp thức hóa bởi người chịu trách nhiệm hợp thức hóa các tài liệu này. Phải ghi tên và chức vụ của người (hoặc những người) chịu trách nhiệm hợp thức hóa tài liệu trong tài liệu nhưng không yêu cầu phải ký tên. Thông tin bổ sung trên các bản sao (xem Điều 6) cũng phải được hợp thức hóa theo cách này.

### 8 Bản tóm tắt các tài liệu

Bản tóm tắt các tài liệu được bao hàm trong tiêu chuẩn này được cho trong Bảng 1.

**Bảng 1 – Bản tóm tắt các tài liệu kiểm tra**

Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên tài liệu	Kiểu kiểm tra	Nội dung tài liệu	Tài liệu được hợp thức hóa bởi
2.1	Công bố sự phù hợp với đơn đặt hàng	Chung	Công bố của nhà sản xuất về sự phù hợp với đơn đặt hàng, không có kết quả kiểm tra	Nhà sản xuất
2.2	Báo cáo kiểm tra		Công bố của nhà sản xuất về sự phù hợp với đơn đặt hàng, có kết quả kiểm tra dựa trên kiểm tra chung	
3.1	Chứng chỉ kiểm tra 3.1	Riêng	Công bố của nhà sản xuất về sự phù hợp với đơn đặt hàng, có kết quả kiểm tra dựa trên kiểm tra riêng	Đại diện kiểm tra có thẩm quyền của nhà sản xuất độc lập với phân xưởng sản xuất
3.2	Chứng chỉ kiểm tra 3.2			Đại diện kiểm tra có thẩm quyền của nhà sản xuất và đại diện có thẩm quyền của khách hàng hoặc kiểm tra viên được một bên thứ ba chỉ định

**Thư mục tài liệu tham khảo**

- [1] ISO/NP 16228, Fastners – Certificates – Test reports.
-